TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông An Văn Khoái.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm.
2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị B** - sinh năm 1987.
ĐKHKTT: Đội 2, xã MB, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị B: Ông Phạm Văn Điều - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L - sinh năm 1983.**
ĐKHKTT: Thôn ĐT, xã PK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Tòng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau dựa trên cơ sở được tự do, tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh L tại thôn ĐT, xã Pham Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sinh hoạt, phong tục tập quán khác nhau nên không thể thống nhất được cuộc sống chung, cách làm ăn kinh tế, bản thân chị B còn mâu thuẫn cả với bố mẹ chồng, đã có lần chị và anh L đánh nhau.

Đặc biệt anh L có biểu hiện không chung thủy với chị. Cuộc sống chung của chị và anh L lúc nào cũng căng thẳng, mệt mỏi mâu thuẫn đỉnh điểm là sau khi chị sinh con vào tháng 7 năm 2019, anh L không quan tâm gì đến chị và con. Do quá chán nản nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Điện Biên sinh sống từ tháng 08 năm 2019, khi đi chị đã định đưa con nhỏ theo cùng nhưng anh L và gia đình ngăn cản nên chị đành bỏ về Điện Biên một mình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết xin ly hôn anh L, chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người.

Về con chung: Vợ chồng có 01 chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 22/7/2019, hiện đang ở với anh L. Ly hôn do cháu M còn nhỏ, còn trong thời kỳ bú sữa chị rất nhớ và thương con nên chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu M đến. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Tiến L trình bày*:**

Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị B trình bày. Sau khi kết hôn anh và chị B về chung sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn ĐT, xã PK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị B không có mâu thuẫn gì lớn, mâu thuẫn gia đình bắt đầu phát sinh sau khi chị B sinh con vào tháng 07 năm 2019, chị B yêu cầu anh ở nhà không đi làm để chăm sóc cho con nhưng anh không chịu, bên cạnh đó chị B còn có thái độ hỗn láo, cãi lại bố mẹ đẻ anh. Vợ chồng đã có lần đánh nhau Anh đã mời hai bên gia đình đến nói chuyện khuyên bảo nhưng không được, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Bản thân anh thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng là trước thời điểm kết hôn với chị B. Đến ngày 19/8/2019, chị B đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Điện Biên sinh sống. Anh xác định anh và chị B đã ly thân từ từ ngày 19/8/2019 cho đến nay vợ chồng không quay lại chung sống cùng nhau lần nào. Nay chị B xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống và nuôi day con chung. Tuy nhiên anh cũng không đưa ra được biện pháp gì để níu kéo tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 cung chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 22/7/2019, hiện đang ở với anh. Khi đi chị B đã để lại con cho anh một mình nuôi dưỡng đến hôm nay. Nên ly hôn anh xin nhận nuôi cháu M và tự nguyện không yêu cầu cô B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh với UBND xã PK, Hội phụ nữ xã PK đều xác định: Chị Tòng Thị B và anh Nguyễn Văn L được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương vào tháng 05 năm 2019. Trong quá trình chung sống địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn cụ thể của hai anh chị. Hiện tại chị B đã bỏ về tỉnh Điện Biên sinh sống không còn cư trú tại địa phương, chị B và anh L đã ly thân nhau từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay không quay lại chung sống với nhau lần nào. Nay chị B xin ly hôn chính quyền địa phương và Hội phụ nữ đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của chị B và anh L để giải

quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng chị B, anh L có 01 con chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 22/7/2019, hiện tại cháu M còn nhỏ, mới sinh được 02 tháng. Ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giao cho bên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Tòng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 22/7/2019, hiện đang ở với anh L cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Tòng Thị B được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. AnhNguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị B ly hôn anh L, giao con chung là cháu Nguyễn Trúc M cho chị B nuôi dưỡng vì cháu còn rất nhỏ chưa được 36 tháng tuổi. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng theo mức chị B yêu cầu là 750.000đ/tháng. Do chị B là người dân tộc thiểu số và ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên nên đề nghị miễn án phí cho chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Tòng Thị B là người dân tộc thiểu số và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 29/5/2019 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh L tại thôn ĐT, xã PK, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính nết vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được cuộc sống chung, cách làm ăn kinh tế đặc biệt là do tập quán, phong tục hai vùng miền khác nhau. Bản thân anh L không chung thủy với chị B. Mâu thuẫn căng thẳng khi chị B sinh con. Hai bên gia đình đã gặp và hòa giải nhưng không được, đã có lần anh L và chị B đánh nhau đến tháng 08 năm 2019, chị B đã bỏ về tỉnh Điện Biên sinh sống cùng gia đình cũng từ đó đến nay chị B và anh L đã ly thân không

đoàn tụ lần nào, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện sau khi thụ lý vụ án đã tiến hành hòa giải cho chị B và anh L hai lần nhưng chị B vẫn kiên quyết xin ly hôn và không chấp nhận về chung sống với anh L. Hiện tại anh L cũng không có biện pháp gì để níu kéo tình cảm vợ chồng với chị B. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh L đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị B nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị B được ly hôn anh L để đảm bảo quyền lợi cho chị B và sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 22/7/2019, hiện đang ở với anh L. Hiện tại do cháu M còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên cần thiết giao cháu M cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị B yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị mỗi tháng 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đây là yêu cầu chính đáng, cần thiết nên cần chấp nhận. Anh Nguyễn Văn L được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Tòng Thị B là nguyên đơn nhưng thuộc dân tộc thiểu số và thuộc xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên nên được miễn án phí sơ thẩm ly hôn. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Tòng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trúc M, sinh ngày 22/7/2019, hiện đang ở với anh L cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L được quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại điều 357, khoản 1 điều 468 BLDS 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Chị Tòng Thị B được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Nên được trả lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Thanh Miện theo biên lai số AA/0002996 ngày 17/9/2019. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THÁ dân sự huyện Thanh Miện;
- UBND xã PK;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái